

Bản án số: 475/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại Phòng xử số 04, trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1429/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/QĐXXST ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1994; cư trú tại: Xã N, thành phố B, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ thường trú: Đường B, phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1993; cư trú tại: Đường B, phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2014.

Quá trình chung sống, hai người thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng

về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và đã sống ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2015 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông N có một người con chung tên Nguyễn Lâm Tuệ N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2014. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N.

Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập họp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến, tham gia hoà giải hoặc nộp (gửi) các văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và nộp các chứng cứ, tài liệu kèm theo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng và thời hạn tố tụng. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt cho bị đơn đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Đinh Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/9/2017 của bà Đinh Thị N, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Thanh N.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình và là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hôn nhân giữa bà N và ông N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 01/2014 ngày 23/01/2014 của Ủy ban nhân dân phường H, quận G.

Bà N cho rằng: Trong khoảng thời gian hơn 01 năm chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và đã không còn chung sống từ năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập hợp lệ nhưng ông N không nộp (gửi) cho Tòa án ý kiến của mình hoặc có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải, đưa ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện ông N không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà N và cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa ông N lại vắng mặt. Như vậy, thực chất hôn nhân giữa bà N và ông N đã không còn tồn tại, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu của bà N ly hôn với ông N theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông N có một người con, bà N yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện bà N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con, về phía ông N như đã nêu trên trong suốt quá trình giải quyết đều vắng mặt. Do đó, để bảo đảm về điều kiện nuôi dưỡng, sự phát triển về tâm sinh lý và quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Nguyễn Lâm Tuệ N sinh ngày 15/7/2014 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng một vụ án khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị N, sinh năm 1994 ly hôn với ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1993.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2014 ngày 23/01/2014 của Ủy ban nhân dân Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Bà Đinh Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Lâm Tuệ N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2014.

Ông Nguyễn Thanh N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0027764 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- UBND phường H, quận G, TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Đăng Tân